Phụ lục III
DANH MỤC VÀ QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA LIÊN THÔNG LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH LẠNG SƠN

(Kèm theo Quyết định số 1026/QĐ-UBND ngày 05 / 7 /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn)

Phần I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC XÂY DỰNG QUY TRÌNH NỘI BỘ THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA LIÊN THÔNG (05 TTHC)

STT	Tên thủ tục hành chính	Cơ quan thực hiện
1	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m3/ngày đêm.	- Sở Tài nguyên và Môi trường - Các cơ quan có liên quan - UBND tỉnh
2	Gia hạn/điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m3/ngày đêm.	
3	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản đối với hồ chứa, đập dâng thuỷ lợi có lưu lượng khai thác dưới 2m3/giây và dung tích toàn bộ dưới 20 triệu m3, hoặc lưu lượng khai thác từ 2m3/giây trở lên và dung tích toàn bộ dưới 3 triệu m3, hoặc đối với công trình khai thác, sử dụng nước khác với lưu lượng khai thác dưới 5 m3/giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m3/ngày đêm; cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất bao gồm cả nuôi trồng thủy sản, kinh doanh, dịch vụ trên đất liền với lưu lượng dưới 1.000.000 m3 /ngày đêm	
4	Gia hạn/điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản đối với hồ chứa, đập dâng thuỷ lợi có lưu lượng khai thác dưới 2m3 /giây và dung tích toàn bộ dưới 20 triệu m3, hoặc lưu lượng khai thác từ 2m3/giây trở lên và dung tích toàn bộ dưới 3 triệu m3, hoặc đối với công trình khai thác, sử dụng nước khác với lưu lượng khai thác dưới 5 m3/giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m3/ngày đêm; cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất bao gồm cả nuôi trồng thủy sản, kinh doanh, dịch vụ trên đất liền với lưu lượng dưới 1.000.000 m3 /ngày đêm	
5	Thẩm định, phê duyệt phương án cắm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước đối với hồ chứa thủy điện và hồ chứa thủy lợi.	

Phần II
QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA LIÊN THÔNG

DANH MỤC CỤM TỪ VIẾT TẮT

- Trung tâm Phục vụ hành chính công: TTPVHCC
- Công chức Một cửa: CCMC
- Trung tâm Phục vụ hành chính công: TTPVHCC
- Tài nguyên và Môi trường: TNMT
- Quản lý tài nguyên nước và khoáng sản: QLTNN&KS

1. Nhóm 02 TTHC, gồm:

1.1. Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000 m^3/ngày đêm

1.2. Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản đối với hồ chứa, đập dâng thủy lợi có lưu lượng khai thác dưới 2m^3/giây và dung tích toàn bộ dưới 20 triệu m^3, hoặc lưu lượng khai thác từ 2m^3/giây trở lên và dung tích toàn bộ dưới 3 triệu m^3, hoặc đối với công trình khai thác, sử dụng nước khác với lưu lượng khai thác dưới 5m^3/giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m^3/ngày đêm.

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 31,5 ngày làm việc *(Thời gian theo quy định: 36 ngày làm việc, thời gian đã cắt giảm: 4,5 ngày làm việc).*

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ ghi giấy tiếp nhận, hẹn ngày trả kết quả; nhập hồ sơ điện tử; chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn.	CCMC tại TTPVHCC	0,5 ngày làm việc
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng QLTNN&KS	0,5 ngày làm việc
B3	Thẩm định hồ sơ - Hồ sơ không đáp ứng yêu cầu (không đủ điều kiện), thông báo trả lại hồ sơ cho cá nhân/tổ chức, nêu rõ lý do. - Hồ sơ cần giải trình, bổ sung: thông báo cho cá nhân/tổ chức. Thời gian thẩm định sau khi đề án, báo cáo đã được bổ sung hoàn chỉnh là 18 ngày làm việc. - Hồ sơ đáp ứng yêu cầu: xây dựng Báo cáo kết quả thẩm định.	Chuyên viên Phòng QLTNN&KS	22 ngày làm việc
B4	Xem xét văn bản xử lý của chuyên viên, trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Phòng QLTNN&KS	1,5 ngày làm việc
B5	Duyệt hồ sơ/ký văn bản xử lý chuyển văn thư phát hành.	Lãnh đạo Sở	1,5 ngày làm việc
B6	Phát hành văn bản; Chuyển hồ sơ đến UBND tỉnh	Văn thư Sở	0,5 ngày làm việc
B7	Xem xét, quyết định cấp Giấy phép	UBND tỉnh	05 ngày làm việc
B8	- Thống kê và theo dõi - Thông báo, trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	CCMC tại TTPVHCC	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết TTHC			**31,5 ngày làm việc**

2. Nhóm 02 TTHC:

2.1. Gia hạn/điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m^3/ngày đêm.

2.2. Gia hạn/điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản đối với hồ chứa, đập dâng thủy lợi có lưu lượng khai thác dưới 2m^3/giây và dung tích toàn bộ dưới 20 triệu m^3, hoặc lưu lượng khai thác từ 2m^3/giây trở lên và dung tích toàn bộ dưới 3 triệu m^3, hoặc đối với công trình khai thác, sử dụng nước khác với lưu lượng khai thác dưới 5m^3/giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m^3/ngày đêm.

Thời gian thực hiện TTHC: 24,5 ngày làm việc *(Thời gian theo quy định: 31 ngày làm việc, thời gian đã cắt giảm: 6,5 ngày làm việc).*

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ, ghi giấy hẹn ngày làm việc trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử. Chuyển hồ sơ cho Phòng QLTNN&KS	CCMC tại TTPVHCC	0,5 ngày làm việc
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng QLTNN&KS	0,5 ngày làm việc
B3	Thẩm định hồ sơ - Hồ sơ không đáp ứng yêu cầu (không đủ điều kiện cấp phép), thông báo trả lại hồ sơ cho cá nhân/tổ chức. - Hồ sơ cần giải trình, bổ sung: thông báo cho cá nhân/tổ chức bổ sung hoàn chỉnh hồ sơ. - Hồ sơ đáp ứng yêu cầu, soạn thảo Báo cáo kết quả thẩm định và Giấy phép	Chuyên viên Phòng QLTNN&KS	15 ngày làm việc
B4	Xem xét văn bản xử lý của chuyên viên, trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Phòng QLTNN&KS	1,5 ngày làm việc
B5	Duyệt hồ sơ/ký văn bản xử lý chuyển văn thư	Lãnh đạo Sở	1,5 ngày làm việc
B6	Phát hành văn bản; Chuyển hồ sơ đến UBND tỉnh	Văn thư Sở	0,5 ngày làm việc
B7	Xem xét, quyết định cấp Giấy phép	UBND tỉnh	05 ngày làm việc
B8	- Thống kê và theo dõi - Thông báo, trả kết quả	CCMC tại TTPVHCC	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết TTHC			**24,5 ngày làm việc**

3. Thẩm định, phê duyệt phương án cắm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước đối với hồ chứa thủy điện và hồ chứa thủy lợi

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 28 ngày làm việc *(Thời gian theo quy định: 35 ngày làm việc, thời gian đã cắt giảm: 07 ngày làm việc)*.

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ, ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử Chuyển hồ sơ cho Phòng QLTNN&KS	Công chức BPMC/ NVBĐ	0,5 ngày làm việc
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng QLTNN&KS	0,5 ngày làm việc
B3	Thẩm định hồ sơ; tham mưu thực hiện các công việc sau: - Gửi tài liệu và xin ý kiến của các Sở, ngành và UBND các huyện có liên quan; nếu cần thiết thì thành lập hội đồng thẩm định. - Tổng hợp các ý kiến và gửi tổ chức quản lý, vận hành hồ chứa để hoàn thiện. - Trường hợp đủ điều kiện trình Lãnh đạo phòng xem xét, trình Lãnh đạo Sở.	Chuyên viên Phòng QLTNN&KS	18,5 ngày làm việc
B4	Xem xét văn bản xử lý của chuyên viên trình (dự thảo Tờ trình và Quyết định), trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Phòng QLTNN&KS	0,5 ngày làm việc
B5	Duyệt hồ sơ, ký văn bản, chuyển văn thư phát hành.	Lãnh đạo Sở TNMT	0,5 ngày làm việc
B6	Phát hành văn bản; Chuyển hồ sơ đến UBND tỉnh	Văn thư Sở	0,5 ngày làm việc
B7	Xem xét, quyết định phê duyệt	UBND tỉnh	07 ngày làm việc
B8	- Thống kê và theo dõi - Trả kết quả cho cá nhân/tổ chức	Công chức BPMC	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết TTHC			**28 ngày làm việc**